TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2020/KDTM-ST
Ngày: 27/02/2020.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A– THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Vân**.**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Giang.
Ông Dương Xuân Đính.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Thu Hà- Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh, Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 107/2019/TLST-KDTM ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc *Tranh chấp hợp đồng tín dụng* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐ-HPT ngày 17/02/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).

Địa chỉ: Số 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức Tú – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Tiến – Giám đốc Chi nhánh Đông Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Cảnh Minh- Thành viên tổ xử lý nợ xấu chuyên trách thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Đông Hà Nội và ông Nguyễn Thanh Tùng – Cán bộ quản lý khách hàng- Phòng giao dịch Lộc Hà- Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Đông Hà Nội .

2. Bị đơn:

2.1. Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1973.

2.2. Chị Hoàng Ngọc Q, sinh năm 1979 (vợ ông H).

Cùng có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Thạc Q, xã Dục T, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đỗ Xuân Cường, sinh năm 1950 (bố ông H).

3.2. Bà Nguyễn Thị Thu, sinh năm 1950 (mẹ ông H).

3.3. Cháu Đỗ Thị Minh Ánh, sinh năm 2002 (con ông H, bà Q).

3.4. Cháu Đỗ Bá Duy, sinh năm 2006 (con ông H, bà Q).

Đều trú tại: Thôn Thạc Q, xã Dục T, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu* là anh Đỗ Văn H, sinh năm 1973. Trú tại: Thôn Thạc Q, xã Dục T, huyện Đông A, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật của cháu Đỗ Thị Minh Á và Đỗ Bá D* là bố, mẹ các cháu: Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1973 và chị Hoàng Ngọc Q sinh năm 1979. Cùng có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Thạc Q, xã Dục T, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Có mặt: Ông M,ông T, anh H.

Vắng mặt: Chị Q, ông Cường.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2019 và các bản tự khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:***

Ngày 08/12/2011, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội giải ngân vốn vay cho anh Đỗ Văn H và chị Hoàng Ngọc Q theo hợp đồng tín dụng số: 11.4500196.01.03/01 ký ngày 08/12/2011 với nội dung chính như sau:

- Số tiền giải ngân cho vay là 500.000.000 đồng.
- Hình thức giải ngân: Giải ngân 01 lần bằng chuyển khoản.
- Mục đích vay: Mua gỗ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn vay: 08 tháng từ ngày 08/12/2011 đến ngày 08/8/2012.
- Lãi suất vay tại thời điểm vay là 17,0%/năm, lãi suất các tháng sau áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh vào các ngày 01/01 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm trong suốt thời gian vay, theo thông báo của BIDV Đông Hà Nội. Trong trường hợp lãi suất kỳ điều chỉnh tiếp theo không thay đổi so với kỳ gần nhất thì lãi suất của kỳ gần nhất tiếp tục còn hiệu lực cho kỳ tiếp theo và Ngân hàng không phải làm thông báo cho khách hàng.
- Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.
- Lịch trả nợ vay:

+ Lịch trả nợ gốc: 08/12/2011.

+ Lịch trả nợ lãi: Lãi được tính từ ngày Bên vay rút tiền vay lần đầu tiên. Tiền lãi được tính trên số dư nợ vay nhân (x) với số ngày duy trì nợ vay thực tế nhân (x) với lãi suất năm chia (:) 360. Lãi vay được Bên vay trả định kỳ vào ngày 22 hàng tháng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số: 11.4500196.01.03/01 ký ngày 08/12/2011: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thôn Thạc Q, xã Dục T, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG BG 501700 *(Số vào sổ cấp GCN: 4394.QĐ-UBND.2011/CH.00212.2011)* do Uỷ ban nhân dân huyện Đông Anh, Hà Nội cấp ngày 16/11/2011 mang tên anh Đỗ Văn H. Việc thế chấp tài sản đã được lập thành Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 1194/TC/2011 ngày 06/12/2011 tại Văn phòng Công chứng A– thành phố Hà Nội. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

Trong quá trình vay vốn tại BIDV Đông Hà Nội, anh H và chị Q chỉ thanh toán được lãi đến hết kỳ tháng 02/2012, khoản vay bắt đầu quá hạn lãi từ tháng 03/2012, gốc quá hạn từ 08/8/2012. BIDV Đông Hà Nội đã nhiều lần gửi thông

báo nhắc nợ, công văn yêu cầu trả nợ cũng như đến nhà làm việc, mời anh Đỗ Văn H và chị Hoàng Ngọc Q đến Ngân hàng làm việc để giải quyết khoản nợ, tại các buổi làm việc, anh H và chị Q cũng cam kết thanh toán nợ (bằng văn bản, bằng lời nói) cho BIDV Đông Hà Nội nhưng sau đó đều không thực hiện đúng.

Dư nợ của anh Đỗ Văn H và chị Hoàng Ngọc Q tại BIDV Đông Hà Nội tính đến ngày 27/02/2020 như sau:

- Dư nợ gốc: 378.800.000 đồng.
- Dư nợ lãi trong hạn: 38.277.778 đồng.
- Dư nợ lãi quá hạn: 695.267.017 đồng.

Tổng dư nợ cả gốc và lãi là: 1.112.344.795 đồng (Một tỷ, một trăm mười hai triệu, ba trăm bốn mươi bốn nghìn, bảy trăm chín mươi lăm đồng).

Việc anh Đỗ Văn H và chị Hoàng Ngọc Q không trả nợ đã gây ra nhiều khó khăn thiệt hại cho BIDV. Do vậy nay, BIDV đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết cho yêu cầu của BIDV như sau:

- Buộc anh Đỗ Văn H và chị Hoàng Ngọc Q phải trả ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội tổng số tiền còn nợ đến ngày 27/02/2020 là**:** 1.112.344.795 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 28/02/2020 đến khi thực tế trả hết nợ với lãi suất quá hạn theo thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng và quy định của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- Nếu anh Đỗ Văn H và chị Hoàng Ngọc Q không thực hiện trả nợ ngay cho Ngân hàng theo yêu cầu nêu trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án kê biên và phát mại tài sản bảo đảm mà anh Đỗ Văn H và chị Hoàng Ngọc Q đã thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 71(2), tờ bản đồ số 1 thôn Thạc Q, xã Dục T, huyện Đông A, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 501700 (Số vào sổ cấp GCN: 4394.QĐ-UBND.2011/CH.00212.2011) do Uỷ ban nhân dân huyện Đông A, Hà Nội cấp ngày 16/11/2011 mang tên ông Đỗ Văn H.

- Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì anh Đỗ Văn H và chị Hoàng Ngọc Q phải tiếp tục chịu trách nhiệm trả số nợ còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam.

*** Bị đơn trình bày:** Vợ chồng anh chị nhất trí với ý kiến trình bày của đại diện nguyên đơn về việc ký kết hợp đồng tín dụng số: 11.4500196.01.03/01 ngày 08/12/2011 giữa Ngân hàng và hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm khoản vay của vợ chồng anh chị. Nhất trí, tính đến ngày 27/02/2020, vợ chồng anh chị còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền nợ gốc là: 378.800.000 đồng. Anh chị không nhất trí số tiền lãi như Ngân hàng yêu cầu vì vợ chồng anh chị không sử dụng toàn bộ số tiền vay và hoàn cảnh hiện nay rất khó khăn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng vợ chồng anh chị đã trả Ngân hàng được một phần nợ gốc (trả trực tiếp và trừ vào tiền lương của anh H hàng tháng tại Ngân hàng). Do hoàn cảnh gia đình anh chị rất khó khăn nên vợ chồng anh chị đề nghị Ngân hàng miễn giảm toàn bộ số nợ lãi, còn số nợ gốc thì cho vợ chồng anh chị trả dần hàng tháng, mỗi tháng sẽ trả Ngân hàng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ gốc.

Hiện nay trên tài sản là nhà, đất thế chấp đang sinh sống gồm những nhân khẩu sau: Ông Đỗ Xuân C, bà Nguyễn Thị T, anh Đỗ Văn H, chị Hoàng Ngọc Q, cháu Đỗ Thị Minh Á, cháu Đỗ Bá D, sinh năm 2006. Ngoài ra không có ai khác.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Ông Đỗ Xuân C, bà Nguyễn Thị T trình bày: Ông bà không nhất trí việc ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 71(2), tờ bản đồ số 1 thôn Thạc Q , Dục T, huyện Đông A, Hà Nội, vì ông bà chỉ cho anh H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng. Việc vợ chồng anh H vay tiền ngân hàng không liên quan gì đến vợ chồng ông bà.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định đến ngày 27/02/2020, vợ chồng anh H còn nợ Ngân hàng các khoản tiền gồm:

+ Dư nợ gốc: 378.800.000 đồng.

+ Dư nợ lãi trong hạn: 38.277.778 đồng.

+ Dư nợ lãi quá hạn: 695.267.017 đồng.

Tổng dư nợ cả gốc và lãi là: 1.112.344.795 đồng (Một tỷ, một trăm mười hai triệu, ba trăm bốn mươi bốn nghìn, bảy trăm chín mươi lăm đồng).

- Anh Đỗ Văn H nhất trí trả toàn bộ tiền gốc, trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, không nhất trí trả lãi vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Về tài sản thế chấp thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Aphát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét nhận định:

{1}. Về quan hệ pháp luật là: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

{2}. Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn là chị Hoàng Ngọc Q, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Xuân C đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và dành quyền kháng cáo cho họ là phù hợp pháp luật.

{3}. Về nội dung:

{3.1}. Về hợp đồng tín dụng: Các bên đương sự đều thừa nhận giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Đông Hà Nội và anh Đỗ Văn H, chị Hoàng Ngọc Q có ký kết Hợp đồng tín dụng số: 11.4500196.01.03/01 ngày 08/12/2011 với nội dung chính như sau:

- Số tiền giải ngân cho vay là 500.000.000 đồng.
- Hình thức giải ngân: Giải ngân 01 lần bằng chuyển khoản.
- Mục đích vay: Mua gỗ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn vay: 08 tháng từ ngày 08/12/2011 đến ngày 08/8/2012.
- Lãi suất vay tại thời điểm vay là 17,0%/năm, lãi suất các tháng sau áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh vào các ngày 01/01 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm trong suốt thời gian vay, theo thông báo của BIDV Đông Hà Nội. Trong trường hợp lãi suất kỳ điều chỉnh tiếp theo không thay đổi so với kỳ gần nhất thì lãi suất của kỳ

gần nhất tiếp tục còn hiệu lực cho kỳ tiếp theo và Ngân hàng không phải làm thông báo cho khách hàng.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Việc các bên giao kết hợp đồng tín dụng hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó hợp đồng này phù hợp pháp luật.

Tính đến ngày 27/02/2020, vợ chồng anh H, chị Q còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam các khoản tiền gồm:

- Dư nợ gốc: 378.800.000 đồng.
- Dư nợ lãi trong hạn: 38.277.778 đồng.
- Dư nợ lãi quá hạn: 695.267.017 đồng.

Tổng dư nợ cả gốc và lãi là: 1.112.344.795 đồng (Một tỷ, một trăm mười hai triệu, ba trăm bốn mươi bốn nghìn, bảy trăm chín mươi lăm đồng).

Như vậy, cần buộc anh Đỗ Văn H, chị Hoàng Ngọc Q phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến hết ngày 27/02/2020 là 1.112.344.795 đồng và phải tiếp tục trả lãi từ ngày 28/02/2020 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký trên dư nợ gốc thực tế là phù hợp pháp luật.

{3.2}. Về tài sản đảm bảo thì thấy: Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 71(2), tờ bản đồ số 1, diện tích 120,8 m² có địa chỉ: Thôn Thạc Q, xã Dục T, huyện Đông A, Hà Nội, theo *"Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất"* số bìa BG 501700, vào sổ cấp GCN: 4394.QĐ.UBND.2011 CH.00212.2011 do Uỷ ban nhân dân huyện Đông A, Hà Nội cấp ngày 16/11/2011 mang tên ông Đỗ Văn H.

Việc thế chấp tài sản được lập thành Hợp đồng thế chấp bất động sản số công chứng: 1194/TC/2011 ngày 06/12/2011 tại Văn phòng công chứng Đông Anh. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp nêu trên được các bên ký tại Văn phòng công chứng, có đầy đủ chữ ký của Ngân hàng và các bên liên quan. Các chủ thể ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật, tài sản thế chấp được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Như vậy, hợp đồng thế chấp phù hợp pháp luật về cả hình thức và nội dung. Vì vậy, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn phù hợp pháp luật, được chấp nhận.

Hiện đang sinh sống trên nhà, đất thế chấp gồm có: Ông Đỗ Xuân C, sinh năm 1950, bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950, anh Đỗ Văn H, sinh năm 1973, chị Hoàng Ngọc Q, sinh năm 1979, cháu Đỗ Thị Minh Á, sinh năm 2002, cháu Đỗ Bá D, sinh năm 2006. Ngoài ra, không còn ai khác.

{4}.Về án phí: Anh Đỗ Văn H và chị Hoàng Ngọc Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung vào ngân sách Nhà nước.

{5} Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều: 275, 280, 293, 299, 320, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, 273, 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Luật Ngân hàng nhà nước năm 2010;

- Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam đối với anh Đỗ Văn H, chị Hoàng Ngọc Q về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc anh Đỗ Văn H, chị Hoàng Ngọc Q có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam các khoản tiền tính đến ngày 27/02/2020 gồm:

- Dư nợ gốc: 378.800.000 đồng.
- Dư nợ lãi trong hạn: 38.277.778 đồng.
- Dư nợ lãi quá hạn: 695.267.017 đồng.

Tổng dư nợ cả gốc và lãi là: 1.112.344.795 đồng (Một tỷ, một trăm mười hai triệu, ba trăm bốn mươi bốn nghìn, bảy trăm chín mươi lăm đồng).

3. Buộc anh Đỗ Văn H, chị Hoàng Ngọc Q phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam từ ngày 28/02/2020 cho đến khi trả hết nợ trên dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 11.4500196.01.03/01 ký ngày 08/12/2011.

4. Trường hợp anh Đỗ Văn H, chị Hoàng Ngọc Q không thanh toán được khoản nợ nêu trên, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 71(2), tờ bản đồ số 1 có địa chỉ: Thôn Thạc Q, xã Dục T, huyện Đông Anh, Hà Nội, theo *"Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất"* số bìa BG 501700, vào sổ cấp GCN: 4394.QĐ.UBND.2011/CH.00212.2011 do Uỷ ban nhân dân huyện Đông A, Hà Nội cấp ngày 16/11/2011 mang tên ông Đỗ Văn H.

5.Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thì anh Đỗ Văn H, chị Hoàng Ngọc Q phải tiếp tục chịu trách nhiệm trả số nợ còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

6. *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:* Anh Đỗ Văn H và chị Hoàng Ngọc Q phải chịu toàn bộ tiền án phí là 45.370.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam được nhận lại 22.344.000 đồng (Hai mươi hai triệu, ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0015061 ngày 26/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND T.P Hà Nội;*
- *VKSND huyện Đông A;*
- *Chi cục THADS Đông A;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*

Đỗ Thị Vân